|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Đà Nẵng, ngày tháng năm 2015* |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2015 của***

***Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trình độ đào tạo | : | **THẠC SĨ** |
| Ngành | : | **KINH DOANH** |
| Mã ngành | : | **603401** |
| Tên ngành (Tiếng Anh) | : | **Business** |
| Tên chuyên ngành | : | **QUẢN TRỊ KINH DOANH** |
| Tên chuyên ngành (Tiếng Anh) | **:** | **Business Administration** |
| Mã chuyên ngành | : | **60340102** |
| Loại hình đào tạo | : | **Thạc sĩ ứng dụng** |
| Hình thức đào tạo | : | **Chính qui không tập trung** |

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của chương trình nhằm đào tạo các nhà quản trị có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả.

Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các doanh nhân, nhà lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức có kiến thức lý thuyết quản trị hiện đại, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Học viên được trang bị nền tảng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội.

**1.2. Chuẩn đầu ra**

Thạc sĩ ngành Kinh doanh khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

***1.2.1. Kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã CĐR chuyên ngành** | **Tên chuẩn đầu ra về kiến thức** |
| 1 | CĐR1 | Hiểu được tầm quan trọng của toàn cầu hóa, văn hóa doanh nghiệp và khoa học kỹ thuật trong môi trường kinh doanh ngày nay. |
| 2 | CĐR2 | Hiểu được các hệ thống tích hợp các lĩnh vực chức năng chính của một tổ chức nhằm tạo ra sự thành công cho hoạt động kinh doanh. |
| 3 | CĐR3 | Hiểu được vai trò của doanh nghiệp trong xã hội và những thách thức về đạo đức kinh doanh toàn cầu. |
| 4 | CĐR4 | Chuyên sâu về các lĩnh vực cốt lõi của một tổ chức kinh doanh: marketing, hệ thống thông tin, kế toán, quản trị hoạt động, tài chính và chiến lược, dự án, quản trị rủi ro. |
| 5 | CĐR5 | Hiểu và phân tích được một cách chuyên sâu hành vi của tổ chức. |

***1.2.2. Kỹ năng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã CĐR chuyên ngành** | **Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng** |
| 1 | CĐR11 | Có kỹ năng lãnh đạo cá nhân và lãnh đạo tổ chức hiệu quả. |
| 2 | CĐR12 | Có kỹ năng phân tích, ra quyết định và lập kế hoạch liên quan đến hoạt động quản lý chung, nhân sự, tài chính – kế toán, sản xuất, chất lượng, dự án, chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược. |
| 3 | CĐR13 | Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. |
| 4 | CĐR14 | Sử dụng được tiếng Anh tương đương mức B1 hoặc bậc 3/6 của khung châu Âu. |
| 5 | CĐR15 |  |
|  | ... |  |

***1.2.3. Thái độ và hành vi***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã CĐR chuyên ngành** | **Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi** |
| 1 | CĐR21 | Hiểu biết và tuân thủ pháp luật |
| 2 | CĐR22 | Yêu tổ quốc và yêu các giá trị tốt đẹp của cuộc sống |
| 3 | CĐR23 | Có đạo đức kinh doanh tốt, có tinh thần trách nhiệm cao |
| 4 | CĐR24 | Biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội. |
|  | ... |  |

**1.3. Cơ hội việc làm**

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng đào tạo sẽ có một triển vọng công việc phong phú trong các khu vực tư nhân, nhà nước, cụ thể có thể đảm nhiệm các vị trí công tác sau: Lãnh đạo đơn vị kinh doanh, các tổ chức công, các tổ chức phi lợi nhuận; Doanh nhân/chủ doanh nghiệp tư nhân; Chuyên gia tư vấn về quản lý. Người tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh ở trong nước hoặc ở nước ngoài theo những chuyên ngành phù hợp sau khi học các học phần bổ sung phù hợp.

Thạc sĩ quản trị kinh doanh là những người có kiến thức rộng, có kỹ năng thực hành tốt, hợp tác và đam mê cải tiến trong lĩnh vực kinh doanh, yêu thích thế giới khoa học và công nghệ và đã sẵn sàng cho việc theo đuổi những giai đoạn tiếp theo cao hơn trong con đường nghề nghiệp của mình.

**2. Thời gian đào tạo**: Theo thiết kế chương trình là 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**: 60 tín chỉ, trong đó luận văn tốt nghiệp là 15 tín chỉ.

**4. Đối tượng tuyển sinh**: Tốt nghiệp đại học

**5.Qui trình đào tạo**: Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm**: theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

**7. Nội dung chương trình:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **MÃ HP** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TC** |
| **HỌC PHẦN CHUNG CHO HAI ĐỊNH HƯỚNG** | | | |
| Kiến thức chung |  | Triết học | 4 |
|  | Ngoại ngữ (Nếu có) |  |
| Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc |  | Quản trị chiến lược (Strategic management) | 3 |
|  | Quản trị tài chính (Finance management) | 3 |
|  | Quản trị marketing (Marrketing management) | 3 |
|  | Quản trị sản xuất (Operation management) | 3 |
|  | Quản trị nguồn nhân lực (Human resource management) | 3 |
| Kiến thức cơ sở và chuyên ngành tự chọn |  | Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Management) | 3 |
|  | Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management) | 3 |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học và làm luận văn TN | 3 |
|  | Hành vi tổ chức (Oranizations behavior) | 2 |
|  | Ra quyết định quản trị (Making management decision) | 2 |
|  | Thiết kế tổ chức (Organizational Design) | 2 |
|  | Quản trị công ty (Corporate governance) | 2 |
|  | Luật kinh doanh (Business law) | 2 |
|  | Hệ thống thông tin quản trị (management information system) | 2 |
| **HỌC PHẦN CHO ĐINH HƯỚNG NGHIÊN CỨU** | | | |
| Học phần bắt buộc |  | Kinh tế học quản lý (Managerial economic) | 3 |
|  | Kinh tế lượng (Econometric) | 3 |
| Học phần tự chọn |  | Lãnh đạo (Leadership) | 2 |
|  | Quản trị rủi ro (Rick management) | 2 |
|  | Thống kê kinh doanh (Statistic for business) | 2 |
|  | Phân tích định lượng (Qualitative analysis) | 2 |
| **HỌC PHẦN CHO ĐINH HƯỚNG ỨNG DỤNG** | | | |
| Học phần bắt buộc |  | Lãnh đạo và đạo đức kinh doanh (Leadership and Ethics) | 3 |
|  | Nghiên cứu marketing (Marketing research) | 3 |
|  | Kế toán quản trị (Management accounting) | 3 |
| Học phần tự chọn (chọn 6 trong 15 TC) |  | Quản trị dự án (Project management) | 3 |
|  | Quản trị chất lượng (Quality management) | 3 |
|  | Quản trị thành tích (Performance Management) | 3 |
|  | Quản trị chi phí (Costs management) | 3 |
|  | Tư duy kinh doanh (Entrepreneurship) | 3 |

1. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** *(đính kèm theo chương trình đào tạo này)*
2. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** *(đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh) | Địa chỉ website tham chiếu (nếu có) |
| 1 | Tên chương trình - Trường tham khảo | www.... |
| 2 | Tên chương trình - Trường tham khảo | www.... |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HỘI ĐỒNG**  **XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** |
|  |  |